TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 94/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 23/8/2019
V/v: "Ly hôn và con chung".

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Cẩm Vân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Khóa

2. Ông Phạm Công Định

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Sơn – Thư ký TAND tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Quyên - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 8 năm 2019 tại trụ sở TAND tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 183/2019/TLST-HN&GĐ ngày 10/7/2019 về việc ly hôn và nuôi con chung. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 95/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 7 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 55/2019/QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Vũ Thị N**, sinh năm 1989.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và trú tại: Thôn L, xã T, huyện T, tỉnh Hải Dương.

- Bị đơn: Anh **Vũ Văn T**, sinh năm 1982.

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Thôn L, xã T, huyện T, tỉnh Hải Dương.

Địa chỉ hiện nay: Hàn Quốc.

Tại phiên tòa anh T, chị N vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai và tại biên bản lấy lời khai chị N trình bày:*

Chị với anh Vũ Văn T kết hôn vào ngày 31 tháng 01 năm 2013. Trước khi kết hôn anh chị được tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Hải Dương. Sau khi kết hôn anh chị sống hạnh phúc được khoảng một thời gian ngắn. Tháng 6 năm 2014 anh T đi nước ngoài làm ăn vợ chồng ít liên lạc, không có trao đổi về tình cảm. Anh chị đã sống ly thân từ đó đến nay không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau. Hiện tại anh T đang lao động tại Hàn Quốc không có địa chỉ cụ thể còn chị ở Việt Nam mỗi người một nơi, cả hai không còn tình cảm với nhau. Do vậy, chị nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương giải quyết cho chị ly hôn anh T để sớm ổn định cuộc sống.

- Về con chung: Anh chị có 01 con chung là Vũ Đức M, sinh ngày 31/01/2015. Sau khi ly hôn chị có nguyện vọng được nuôi cháu M. Công việc của chị hiện tại ổn định, với mức thu nhập 8 triệu/tháng thì đủ điều kiện để nuôi cháu M. Vì hiện nay anh T không ở Việt Nam nên chỉ có chị mới đủ điều kiện để trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc cháu M. Chị tự nguyện không yêu cầu anh T cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp với gia đình hai bên: Chị xác định không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Theo thông tin do Cục Quản lý xuất nhập cảnh cung cấp tại Công văn số 11775QLXNC-P5 ngày 23/7/2019 thể hiện: anh Vũ Văn T, sinh ngày 09/10/1982 tại Hải Dương, CMND số 142002965, khai địa chỉ thường trú tại: T, huyện T, tỉnh Hải Dương; đã được Cục Quản lý xuất nhập cảnh cấp hộ chiếu số B1700335 ngày 15/11/2007 (hết hạn ngày 15/11/2017); có thông tin xuất nhập cảnh nhiều lần bằng hộ chiếu nêu trên, lần cuối xuất cảnh ngày 26/6/2014 qua cửa khẩu Nội Bài, hiện chưa có thông tin nhập cảnh.

Tòa án tiến hành lấy lời khai của ông Vũ Văn T1, bà Nguyễn Thị N1 là bố mẹ anh T theo đề nghị của chị N thể hiện anh T và chị N lấy nhau hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn anh chị thường xuyên xích mích. Năm 2014 anh T đi Hàn

Quốc. Một thời gian sau chị N về nhà bố mẹ đẻ ở. Vợ chồng ly thân từ đó đến nay. Hai anh chị có 01 con chung, hiện cháu đang ở cùng mẹ. Nay chị N làm đơn xin ly hôn anh T, bản thân ông bà không mong muốn anh chị ly hôn nên đã khuyên bảo cả hai. Tuy nhiên việc ở với nhau là quyền quyết định của vợ chồng nên ông bà không can thiệp. Về quyền nuôi con đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật. Tòa án đã hai lần yêu cầu ông bà cung cấp địa chỉ của anh T bên Hàn Quốc nhưng do anh T không cung cấp địa chỉ nên ông bà không thể cung cấp cho Tòa án. Ông bà chỉ liên lạc với anh T khi anh T điện thoại về. Bản thân anh T đã được ông bà thông báo nội dung các văn bản của Tòa án gửi. Quan điểm của anh T vì điều kiện anh không thể về Việt Nam để giải quyết ly hôn nên đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt anh theo quy định của pháp luật.

Đại diện VKSND tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của nguyên đơn được chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn thực hiện chưa đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc thu thập tài liệu và thời hạn chuẩn bị xét xử chưa thực hiện đúng theo Điều 476 BLTTDS nên KSV đề nghị HĐXX tạm ngừng phiên tòa để yêu cầu nguyên đơn tiếp tục cung cấp địa chỉ của bị đơn đến hết thời hạn chuẩn bị xét xử mới giải quyết vụ án. Do vậy, VKS không có quan điểm về đường lối giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương nhận định:

[1]. Về Tố tụng:

- Chị Vũ Thị N có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết về ly hôn giữa chị và anh Vũ Văn T. Anh T hiện đang sinh sống tại Hàn Quốc. Trước khi đi Hàn Quốc anh sống cùng gia đình ở T, Hải Dương. Do đó TAND tỉnh Hải Dương thụ lý giải quyết là đúng quy định về thẩm quyền theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 37, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Tòa án đã thực hiện việc niêm yết các văn bản tố tụng như Thông báo thụ lý; Thông báo mở phiên họp kiểm tra việc tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo kết quả phiên họp; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Giấy triệu tập theo quy định tại Điều 179 BLTTDS. Đồng thời Tòa án giao các văn bản trên cho

mẹ đẻ anh T là bà N để thông báo cho anh T biết. Anh T được tống đạt QĐXX hợp lệ 02 lần song đều không có mặt. Tòa án đã 02 lần yêu cầu gia đình anh T cung cấp địa chỉ của anh T bên Hàn Quốc song đều không cung cấp được. Tòa án xác định đây là trường hợp bị đơn cố tình giấu địa chỉ nên tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo hướng dẫn tại Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn giải quyết vụ án ly hôn có bị đơn là người Việt Nam ở nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ. Vì vậy Tòa án không chấp nhận đề nghị của VKS về việc tạm ngừng phiên tòa để yêu cầu nguyên đơn tiếp tục cung cấp địa chỉ của bị đơn đến hết thời hạn chuẩn bị xét xử mới giải quyết vụ án. Chị N có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó HĐXX xét xử vắng mặt chị N anh T theo quy định tại khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về Quan hệ hôn nhân:

Chị Vũ Thị N và anh Vũ Văn T được tự do tìm hiểu, có đăng ký kết hôn ngày 31/01/2013 tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Hải Dương nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình hai bên không hợp dẫn đến từ lâu anh chị đã sống ly thân không còn quan tâm đến nhau. HĐXX xét thấy đời sống chung giữa chị N và anh T không có, mục đích hôn nhân của hai người không đạt được nay anh chị mỗi người một nơi, khoảng cách về địa lý càng khiến anh chị không thể cải thiện được cuộc sống vợ chồng nên cần giải quyết cho chị N được ly hôn anh T theo quy định tại Điều 56 Luật HNGĐ là phù hợp tình hình thực tế.

[3]. Về con chung: Chị N anh T có 01 con chung là cháu Vũ Đức M, sinh ngày 31/01/2015. Do cháu M còn nhỏ cần có sự chăm sóc của người mẹ. Bản thân chị N lao động tự do nhưng thu nhập cũng ổn định đủ đảm bảo nuôi con; anh T không ở Việt Nam nên không thể chăm sóc con. Do vậy HĐXX chấp nhận yêu cầu của chị N về việc giao con chung cho chị N nuôi dưỡng, chấp nhận sự tự nguyện của chị N không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82 và 83 - Luật Hôn nhân và Gia đình.

Về tài sản chung, công nợ chung: chị N không đề nghị nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[4]. Về án phí: Chị Vũ Thị N phải chịu 300.000đ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm c khoản 1 Điều 37; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1, 3 Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273; Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 17 Luật phí và lệ phí số 97 năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ vợ chồng: Xử cho chị Vũ Thị N được ly hôn anh Vũ Văn T.

2. Về con chung: Giao con Vũ Đức M, sinh ngày 31/01/2015 cho chị Vũ Thị N nuôi dưỡng, chăm sóc. Chấp nhận sự tự nguyện của chị N không yêu cầu anh T cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Anh T được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở quyền này.

3. Về án phí: Chị Vũ Thị N phải chịu 300.000đ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm, đối trừ số tiền 300.000đ chị N đã nộp tạm ứng theo biên lai thu số 0008238 ngày 10/7/2019 của Cục THADS tỉnh Hải Dương. Chị N đã nộp đủ.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Hải D- ơng;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải D- ơng;
- UBND xã T, huyện T, tỉnh Hải Dương để ghi vào sổ hộ tịch;
- Các đ- ơng sự;
- L- u hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà
(Đã ký)

Trịnh Cẩm Vân